

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Địa chỉ: Nhà máy số 10, Tây Hào, Xã Cầu Lộ, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An

MỤC LỤC

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2012

Đã được soát xét

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Tp Hồ Chí Minh.

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao Su Bến Thành (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2012 đã được soát xét.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ Phần Cao su Bến Thành tiền thân là Công ty Cao su Bến Thành trực thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn, được chuyển đổi thành Công ty Cổ Phần Cao su Bến Thành theo Quyết định số 4800/QĐ –UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 26 tháng 10 năm 2006.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006483 ngày 20 tháng 04 năm 2007 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có điều chỉnh giấy phép như sau:

- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 26 tháng 12 năm 2007 thay đổi địa chỉ trụ sở chính: Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải (D3), Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh.
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 03 năm 2009 tăng vốn điều lệ từ 40.000.000.000 VND lên 75.000.000.000 VND
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 30 tháng 08 năm 2010 tăng vốn điều lệ từ 75.000.000.000 VND lên 82.499.980.000 VND
- **Vốn điều lệ** : 82.499.980.000 VND

Cơ cấu vốn điều lệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn Công Nghiệp Cao Su VN	1.270.240	12.702.400.000	15,40
Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn	2.457.578	24.575.780.000	29,79
Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1	2.310.000	23.100.000.000	28,00
Đặng Thanh Dũng	109.670	1.096.700.000	1,33
Lương Thị Thùy Liên	99.830	998.300.000	1,21
Nguyễn Thanh Phương	71.020	710.200.000	0,86
Các cổ đông khác	1.931.660	19.316.600.000	23,41
Cộng	8.249.998	82.499.980.000	100,00

• Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải, Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-08) 3 790 7619

Fax : (84-08) 3 790 7461

Mã số thuế : 0301150295

• Ngành, nghề kinh doanh

- Sản xuất và mua bán sản phẩm cao su: Băng tải, dây courroie, dây trần bản, vỏ ruột xe đạp, xe gắn máy, cao su nguyên liệu, sản phẩm cao su kỹ thuật;
- Mua bán nguyên liệu, vật tư, thiết bị phục vụ ngành công nghiệp. Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ. Đại lý mua bán ký gửi hàng hoá;

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Cho thuê mặt bằng, văn phòng làm việc. Xây dựng công trình dân dụng. Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp. Kinh doanh lữ hành nội địa. Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh nhà.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên

Chức vụ

Hội đồng Quản trị

Ông Huỳnh Trung Trực	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thanh	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Bán	Thành viên
Bà Lê Thị Phương Dung	Thành viên
Ông Phạm Đình Nhật Cường	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Lương	Trưởng ban
Bà Trương Thị Thu Hương	Thành viên
Bà Trần Thị Mỹ Hạnh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bán	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lưu Thị Tố Như	Kế toán trưởng

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2012 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 6 đến trang 33).

SỰ KIỆN SAU NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2012

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2012 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2012, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2012, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN THANH – Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 7 năm 2012

Số: 0032/2012/BCKQCTSX-KTV

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2012 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2012 của Công ty Cổ phần Cao Su Bến Thành bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2012, được lập ngày 27 tháng 7 năm 2012, từ trang 6 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công tác soát xét của Chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

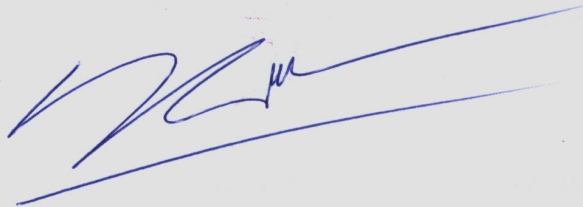
Ý kiến về công tác soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét, Chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao Su Bến Thành tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2012, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2012



VÕ THỊ THU HƯƠNG - Phó Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0455/KTV



VĂN NAM HẢI - Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0832/KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Cù Chi, Đường Giáp Hải, Xã Trung Lập Hạ, Huyện Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu B 01a-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số dư 30/06/2012	Số dư 01/01/2012
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		123.396.261.018	119.826.781.931
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	47.462.913.027	37.978.863.377
1. Tiền	111		8.568.239.731	10.361.438.338
2. Các khoản tương đương tiền	112		38.894.673.296	27.617.425.039
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.668.041.667	3.668.041.667
Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	3.668.041.667	3.668.041.667
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		29.424.053.202	33.802.467.085
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	27.113.178.107	25.140.972.922
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	402.057.322	1.324.069.550
3. Các khoản phải thu khác	133	V.5	3.684.625.034	9.113.231.874
4. Dự phòng phải thu khó đòi	134	V.6	(1.775.807.261)	(1.775.807.261)
IV. Hàng tồn kho	140		32.711.935.720	40.483.772.666
Hàng tồn kho	141	V.7	32.711.935.720	40.483.772.666
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.129.317.402	3.893.637.136
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	89.580.043	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		271.543.002	586.167.200
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	9.768.194.357	3.307.469.936
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		58.935.388.719	61.998.256.232
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		46.105.087.517	48.521.058.056
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	46.064.542.139	48.519.951.726
Nguyên giá	222		101.082.352.687	99.574.352.687
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(55.017.810.548)	(51.054.400.961)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	545.378	1.106.330
Nguyên giá	228		11.219.048	11.219.048
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.673.670)	(10.112.718)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	40.000.000	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		8.660.246.666	8.660.246.666
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	260.246.666	260.246.666
2. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	8.400.000.000	8.400.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.170.054.536	4.816.951.510
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	3.939.082.487	4.395.746.461
2. Tài sản dài hạn khác	268	V.16	230.972.049	421.205.049
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		182.331.649.737	181.825.038.163

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải, Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số dư 30/06/2012	Số dư 01/01/2012
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		52.896.625.213	58.056.091.910
I. Nợ ngắn hạn	310		41.686.559.269	44.146.492.830
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	17.388.128.141	15.217.444.187
2. Phải trả người bán	312	V.18	5.299.823.079	8.789.826.210
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	1.801.103.952	604.099.205
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	4.938.540.977	2.707.312.127
5. Phải trả người lao động	315		3.737.109.683	744.354.109
6. Chi phí phải trả	316	V.21	2.608.296.000	2.341.358.871
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	3.245.174.440	11.694.925.441
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.23	1.915.428.758	1.934.528.758
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.24	752.954.239	112.643.922
II. Nợ dài hạn	330		11.210.065.944	13.909.599.080
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.25	240.000.000	140.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.26	10.970.065.944	13.769.599.080
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		129.435.024.524	123.768.946.253
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.27	129.435.024.524	123.768.946.253
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		82.499.980.000	82.499.980.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		23.140.020.000	23.140.020.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		13.356.617.832	8.939.655.402
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.682.722.908	2.440.722.908
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.755.683.784	6.748.567.943
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		182.331.649.737	181.825.038.163

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Nợ khó đòi đã xử lý		1.510.999.132	1.510.999.132
2. Ngoại tệ: Dollar Mỹ (USD)		2.863,29	1.330,05

Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 7 năm 2012



NGUYỄN VĂN THANH

Tổng Giám đốc

LƯU THỊ TÔ NHƯ

Kế toán trưởng

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải, Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6 tháng đầu năm 2012

Mẫu B 02a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		106.702.032.869	59.242.808.509
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		23.100.000	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	106.678.932.869	59.242.808.509
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	88.173.592.312	40.770.001.811
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.505.340.557	18.472.806.698
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.012.852.354	2.610.730.021
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	1.240.399.892	1.395.412.183
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		808.242.392	294.714.108
8 Chi phí bán hàng	24	VI.5	8.765.107.487	6.525.335.957
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	4.265.960.988	4.232.860.316
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.246.724.544	8.929.928.263
11 Thu nhập khác	31	VI.7	43.380.226	7.900.008
12 Chi phí khác	32	VI.8	8.642.187	16.512.640
13 Lợi nhuận khác	40		34.738.039	(8.612.632)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.281.462.583	8.921.315.631
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	1.135.384.312	1.087.008.578
16 Thu nhập/ (Chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.146.078.271	7.834.307.053
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	745	950



Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 7 năm 2012

NGUYỄN VĂN THANH

Tổng Giám đốc

LƯU THỊ TÔ NHƯ

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải, Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu năm 2012

Mẫu B 03a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		7.281.462.583	8.921.315.631
Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		3.963.970.539	3.881.372.925
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(2.069.900.587)	(2.536.751.074)
- Chi phí lãi vay	06		808.242.392	294.714.108
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9.983.774.927	10.560.651.590
- (Tăng) các khoản phải thu	09	VII.1	(1.959.624.919)	(787.895.566)
- Giảm hàng tồn kho	10		7.771.836.946	867.880.320
- (Giảm) các khoản phải trả (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	VII.1,2	(2.561.628.965)	(784.330.510)
- Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12		367.083.931	(1.714.709.469)
- Tiền lãi vay đã trả	13	VII.2	(841.859.263)	(675.691.595)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(59.396.833)	(2.286.279.182)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		2.078.534.355	335.126.661
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.976.642.774)	(1.141.693.069)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12.802.077.405	4.373.059.180
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.548.000.000)	(993.266.273)
- Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức	27	VII.1	2.069.900.587	2.536.751.074
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		521.900.587	1.543.484.801
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		19.779.481.573	11.306.292.514
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(20.408.330.755)	(13.314.660.292)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	VII.1,2	(3.211.079.160)	(4.056.126.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.839.928.342)	(6.064.494.178)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		9.484.049.650	(147.950.197)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		37.978.863.377	38.126.813.574
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	47.462.913.027	37.978.863.377



NGUYỄN VĂN THANH

Tổng Giám đốc

LƯU THỊ TÔ NHƯ

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

MẪU B 09a-DN

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2012 của Công ty Cổ phần Cao Su Bến Thành (gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại và xây dựng.
3. **Ngành, nghề kinh doanh** :
 - Sản xuất và mua bán sản phẩm cao su: Băng tải, dây courroie, dây trần bản, vỏ ruột xe đạp, xe gắn máy, cao su nguyên liệu, sản phẩm cao su kỹ thuật;
 - Mua bán nguyên liệu, vật tư, thiết bị phục vụ ngành công nghiệp. Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ. Đại lý mua bán ký gửi hàng hoá;
 - Cho thuê mặt bằng, văn phòng làm việc. Xây dựng công trình dân dụng. Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp. Kinh doanh lữ hành nội địa. Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh nhà.

4. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 142 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 135 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2012 thuộc năm tài chính thứ sáu của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi lập Báo cáo ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 20.828 VND/USD.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BỀN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ báo cáo cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ báo cáo. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, khoản ký quỹ ngắn hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009. Dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trên khoản mục "Chi phí quản lý doanh nghiệp".

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	15 – 30
Máy móc thiết bị	12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 – 08

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8. Tài sản cố định vô hình

Giá trị thương hiệu Elephant được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí cải tạo mở rộng nhà máy chưa hoàn thành theo hợp đồng số 11015 ký kết ngày 7 tháng 12 năm 2011 với Công ty A.T.A.V.N.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí sửa chữa, công cụ, dụng cụ và chi phí trả trước dài hạn khác

Tra trước tiền thuê đất

Trả trước tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất là 20 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa bao gồm các chi phí sửa chữa nhà xưởng, nhà ăn, nhà vệ sinh, thay đồ,... được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 4 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã được đưa vào sử dụng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 4 năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng bốn năm theo các quy định kế toán hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Cù Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí bảo hành sản phẩm

Dự phòng cho bảo hành được lập cho từng loại sản phẩm có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

12. Nguồn vốn kinh doanh và các quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ việc bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Cù Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Căn cứ theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 4243/CV-UB-KT ngày 31/10/1998 thì: Công ty được giảm 50% số thuế doanh thu phải nộp trong thời hạn 1 năm kể từ tháng có doanh thu chịu thuế. Được miễn thuế lợi tức 2 năm đầu, kể từ khi có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% số thuế lợi tức phải nộp trong thời hạn 3 năm tiếp theo, nếu được Sở Lao động Thương Binh và Xã Hội xác nhận có số lao động sử dụng bình quân trong năm ít nhất là 100 người thì được giảm thêm 50% số thuế lợi tức phải nộp trong 01 năm nữa. Do số lao động của Công ty đã vượt 100 người nên năm 2012 Công ty tiếp tục được hưởng ưu đãi 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

16. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Đơn vị tính: VND

	<u>Số dư 30/6/2012</u>	<u>Số dư 01/01/2012</u>
Tiền mặt	23.709.779	207.769.419
Tiền gửi ngân hàng	8.544.529.952	10.153.668.919
Các khoản tương đương tiền (*)	38.894.673.296	27.617.425.039
Cộng	<u>47.462.913.027</u>	<u>37.978.863.377</u>

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và ngân hàng TMCP Kỹ Thương VN với lãi suất từ 9%/năm đến 14%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: lãi suất từ 12%/năm đến 14%/năm).

2. Đầu tư ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm	3.668.041.667	3.668.041.667
Cộng	<u>3.668.041.667</u>	<u>3.668.041.667</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam 14%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: lãi suất 14%/năm).

3. Phải thu khách hàng

Công ty CP xi măng Bim Sơn	1.065.488.600	594.440.000
Công ty CP Cơ khí xây dựng Long An	887.653.800	1.613.286.455
Công ty cổ phần xi măng Fico Tây Ninh	809.650.000	1.435.560.000
Globetech Manufacturing INC	2.336.026.824	857.342.964
Công ty TNHH MTV Than Khe Châm	892.100.000	-
Công ty TNHH Một thành viên than Mạo Khê	1.348.939.900	1.689.182.000
CN Công ty CP XM Hà Tiên 1-NM XM Bình Phước	3.183.730.000	3.710.481.500
CN Công ty CP Xi măng Fico Tây Ninh-NM XM Tây Ninh	984.685.000	1.207.410.000
Các khách hàng khác	15.604.903.983	14.033.270.003
Cộng	<u>27.113.178.107</u>	<u>25.140.972.922</u>

4. Trả trước cho người bán

COMIN ASIA PTE LTD	-	346.352.350
Công ty CP Cao su Tây Ninh	-	255.790.000
Cơ khí Tiến Dũng	-	634.200.000
Công ty TNHH TM - DV Điện Lan Hùng	182.710.440	-
Công ty TNHH Cơ Khí Duy Khanh	69.960.000	-
Các nhà cung cấp khác	149.386.882	87.727.200
Cộng	<u>402.057.322</u>	<u>1.324.069.550</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BỀN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Cù Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Cù Chi, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu khác

	Số dư 30/6/2012	Số dư 01/01/2012
Phải thu về cổ phần hóa	2.162.711.778	7.042.246.463
Công ty TNHH Một Thành Viên Cao Su 30-4	-	1.484.597.689
Lãi tiền gửi ngân hàng	937.305.680	-
Phải thu thuế TNCN năm 2011	345.723.393	-
Bảo hiểm xã hội	36.677.287	-
Phải thu khác	202.206.896	586.387.722
Cộng	3.684.625.034	9.113.231.874

6. Dự phòng phải thu khó đòi

Công ty TNHH Gia Thịnh	489.684.630	489.684.630
Công ty TNHH sản xuất thương mại Nam Anh	120.562.534	120.562.534
Công ty CP XM Hướng Dương	163.557.309	163.557.309
Công ty CP XM Cẩm Phả	304.392.000	304.392.000
Công ty TNHH SX TM Hồng Mã Nghi	160.000.000	160.000.000
Các đối tượng khác	537.610.788	537.610.788
Cộng	1.775.807.261	1.775.807.261

7. Hàng tồn kho

Nguyên liệu, vật liệu	16.257.345.913	21.962.099.555
Công cụ, dụng cụ	182.894.980	174.399.006
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.756.987.299	2.994.360.779
Thành phẩm	8.995.855.407	9.670.802.671
Hàng hóa	30.742.039	51.182.500
Hàng gửi đi bán	3.488.110.082	5.630.928.155
Cộng	32.711.935.720	40.483.772.666

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số dư 01/01/2012	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Số dư 30/6/2012
Phí bảo hiểm cháy nổ	-	153.565.788	63.985.745	89.580.043
Cộng	-	153.565.788	63.985.745	89.580.043

9. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng	9.202.530.000	2.549.867.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	565.664.357	757.602.936
Cộng	9.768.194.357	3.307.469.936

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng, giảm tài sản trong kỳ như sau:

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư 01/01/2012	12.943.917.570	78.830.352.733	7.390.718.085	409.364.299	99.574.352.687
2. Tăng trong kỳ	-	1.508.000.000	-	-	1.508.000.000
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
4. Số dư 30/6/2012	12.943.917.570	80.338.352.733	7.390.718.085	409.364.299	101.082.352.687
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư 01/01/2012	6.030.406.655	41.317.679.853	3.431.174.559	275.139.894	51.054.400.961
2. Tăng trong kỳ	277.560.414	3.345.034.506	341.913.590	31.331.665	3.995.840.175
Khấu hao	277.560.414	3.328.172.366	330.265.250	27.411.557	3.963.409.587
Phân loại tài sản	-	16.862.140	11.648.340	3.920.108	32.430.588
3. Giảm trong kỳ	32.430.588	-	-	-	32.430.588
Phân loại tài sản	32.430.588	-	-	-	32.430.588
4. Số dư 30/6/2012	6.275.536.481	44.662.714.359	3.773.088.149	306.471.559	55.017.810.548
III. Giá trị còn lại					
1. Số dư 01/01/2012	6.913.510.915	37.512.672.880	3.959.543.526	134.224.405	48.519.951.726
2. Số dư 30/6/2012	6.668.381.089	35.675.638.374	3.617.629.936	102.892.740	46.064.542.139
Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:					
1. Tại 01/01/2012	-	-	-	60.499.000	60.499.000
2. Tại 30/6/2012	-	-	1.051.636.310	60.499.000	1.112.135.310

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty đã thế chấp toàn bộ tài sản và quyền sử dụng đất hình thành trên Lô B3 -1, KCN Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải (D3), xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, TP HCM với giá trị còn lại ngày 30/6/2012 là 6.668.381.088 VND (Năm 2011 là 6.945.941.502 VND) để đảm bảo cho khoản vay dài hạn ngân hàng.

11. Tài sản cố định vô hình

	Giá trị nhân hiệu
I. Nguyên giá	
1. Số dư 01/01/2012	11.219.048
2. Tăng trong kỳ	-
3. Giảm trong kỳ	-
4. Số dư 30/6/2012	11.219.048
II. Giá trị hao mòn lũy kế	
1. Số dư 01/01/2012	10.112.718
2. Tăng trong kỳ	560.952
3. Giảm trong kỳ	-
4. Số dư 30/6/2012	10.673.670
III. Giá trị còn lại	
1. Số dư 01/01/2012	1.106.330
2. Số dư 30/6/2012	545.378

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số dư 01/01/2012	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số dư 30/6/2012
Cải tạo và mở rộng nhà máy	-	40.000.000	-	40.000.000

13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số dư 30/6/2012	Số dư 01/01/2012
Góp vốn liên doanh vào nông trường 30/4	694.813.761	694.813.761
Khấu hao vườn cao su	(434.567.095)	(434.567.095)
Cộng	260.246.666	260.246.666

Đây là khoản liên kết với Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cao su 30 – 4 Tây Ninh thành lập Nông trường cao su liên kết Phước Ninh. Theo hợp đồng liên kết kinh tế số 01/HĐLKKT ngày 25 tháng 07 năm 1993 với tỷ lệ góp vốn mỗi bên là 50%..

14. Đầu tư dài hạn khác

	Số dư 30/6/2012		Số dư 01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư dài hạn khác		-		-
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đông Dương.	840.000	8.400.000.000	840.000	8.400.000.000
Cộng		8.400.000.000		8.400.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số dư 01/01/2012	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí	Số dư 30/6/2012
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	803.910.606	153.930.000	301.353.772	656.486.834
Công cụ dụng cụ	2.198.409.847	338.009.818	508.906.299	2.027.513.366
Tiền thuê đất	931.702.500	-	60.763.200	870.939.300
Chi phí trả trước khác	461.723.508	-	77.580.521	384.142.987
Cộng	4.395.746.461	491.939.818	948.603.792	3.939.082.487

16. Tài sản dài hạn khác

	Số dư 30/6/2012	Số dư 01/01/2012
Ký quỹ, ký cược dài hạn	230.972.049	421.205.049
Cộng	230.972.049	421.205.049

17. Vay và nợ ngắn hạn

Vay ngắn hạn ngân hàng	12.688.361.573	11.917.444.187
<i>Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam</i>	-	1.506.585.049
<i>Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam(*)</i>	12.688.361.573	10.410.859.138
Vay dài hạn đến hạn trả	1.399.766.568	-
Nợ quá hạn	3.300.000.000	3.300.000.000
<i>Quỹ đầu tư và Phát Triển Đô Thị TP HCM</i>	3.300.000.000	3.300.000.000
Cộng	17.388.128.141	15.217.444.187

(*) Vay ngắn hạn Ngân hàng TM CP Kỹ Thương Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 8520 ngày 02 tháng 02 năm 2012. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tương đương với số tiền tối đa là 25.000.000.000 VND và đáo hạn vào ngày 06 tháng 02 năm 2013. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần giải ngân, được thanh toán vào ngày đáo hạn của từng Khế ước nhận nợ. Công ty đã sử dụng hợp đồng tiền gửi ngân hàng, Bất động sản Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải (D3), xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, TP HCM, Máy móc thiết bị và quyền đòi nợ đã hình thành thế chấp cho khoản vay này.

18. Phải trả người bán

Công ty TNHH MTV Cao su 30-4 Tây Ninh	196.778.100	2.938.433.200
Công ty TNHH Bảo Tượng	525.649.207	912.992.207
Công ty TNHH TM Dương Kim Long	213.462.150	171.497.876
Công ty TNHH Hóa chất Kiều Thạo	296.043.000	611.215.000
Cửa hàng bán vải Hồ Xuân Nam	421.634.000	168.205.000
Công ty CP Kho vận và DV Thương Mại	447.726.400	-
Công ty CP Quốc tế An Lộc Phát	375.064.250	-
Công ty TNHH SX TM Phong Niên	523.600.000	528.000.000
Công ty VLXD Xây lắp Thương Mại	1.290.073.813	1.290.073.813
Công ty TNHH VT-TM XNK Dương Nguyên	302.043.200	273.596.400
Các nhà cung cấp khác	707.748.959	1.895.812.714
Cộng	5.299.823.079	8.789.826.210

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Người mua trả tiền trước

	Số dư 30/6/2012	Số dư 01/01/2012
Công ty TNHH Cơ Khí Đức Thành	-	100.000.000
Công ty TNHH Xi Măng Duyên Hà	-	244.629.000
Công ty TNHH MTV-TM Quốc Trung	-	150.000.000
ALESRAA CO., FOR IMPORT AND EXPORT	208.280.000	-
BELTSERVICE CORPORATION	563.105.808	-
Công ty TNHH TM DV Gia Đại Phát	134.945.000	-
JORGE GONZALEZ JUARISTI POD	500.038.624	-
Các khách hàng khác	394.734.520	109.470.205
Cộng	1.801.103.952	604.099.205

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số dư 01/01/2012	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số dư 30/6/2012
Thuế GTGT hàng bán/ cung cấp dịch vụ trong nước	2.560.000	1.746.589.550	593.653.933	1.155.495.617
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.925.644.723	1.925.644.723	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	459.806.111	372.413.802	87.392.309
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.439.156.991	1.135.384.312	59.396.833	3.515.144.470
Thuế thu nhập cá nhân	239.541.936	972.034.561	1.031.067.916	180.508.581
Các loại thuế khác	26.053.200	320.943.425	346.996.625	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Tiền thuê đất	26.053.200	317.943.425	343.996.625	-
Cộng	2.707.312.127	6.560.402.682	4.329.173.832	4.938.540.977

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ
- Thuế suất áp dụng :
 - + Doanh thu xuất khẩu : 0%
 - + Doanh thu bán cao su nguyên liệu : 5%
 - + Doanh thu bán thành phẩm : 10%

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.9

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo các qui định hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**21. Chi phí phải trả**

	<u>Số dư 30/6/2012</u>	<u>Số dư 01/01/2012</u>
Chi phí bán hàng	2.608.296.000	2.307.742.000
Lãi vay phải trả	-	33.616.871
Cộng	2.608.296.000	2.341.358.871

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Kinh phí công đoàn	49.372.542	42.681.761
Phải trả về cổ phần hóa	-	420.125.000
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	2.778.471.018	6.005.006.400
Tổng Công ty Nông Nghiệp Sài Gòn	-	5.000.000.000
Phải trả khác	417.330.880	227.112.280
Cộng	3.245.174.440	11.694.925.441

23. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Tiền bảo hành sửa chữa sản phẩm	1.915.428.758	1.934.528.758
Cộng	1.915.428.758	1.934.528.758

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số dư 01/01/2012</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng từ nguồn khác</u>	<u>Chi trong kỳ</u>	<u>Số dư 30/6/2012</u>
Quỹ khen thưởng	37.030.678	180.000.000	496.397.638	273.500.000	439.928.316
Quỹ phúc lợi	75.613.244	300.000.000	44.192.677	106.779.998	313.025.923
Cộng	112.643.922	480.000.000	540.590.315	380.279.998	752.954.239

25. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ dài hạn	240.000.000	140.000.000
Cộng	240.000.000	140.000.000

26. Vay và nợ dài hạn

Vay dài hạn ngân hàng		
<i>Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam</i>	<i>10.970.065.944</i>	<i>13.769.599.080</i>
Cộng	10.970.065.944	13.769.599.080

Tại ngày 30 tháng 10 năm 2009, Công ty ký hợp đồng vay thời hạn 7 năm với Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam, theo Hợp đồng tín dụng số 11646 ngày 30 tháng 10 năm 2009 với số tiền vay là 817.200,00 USD. Khoản vay chịu lãi suất từ 5,50%/năm đến 7,60%/năm (năm 2011: lãi suất từ 5,50%/năm đến 7,60%/năm) và được trả hàng tháng sau 7 tháng kể từ khi nhận nợ. Công ty sử dụng quyền sử dụng đất và các tài sản hình thành trên đất ở khu công nghiệp tây bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh để thế chấp cho khoản vay này (xem các Thuyết minh số V.10).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Tp Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 6 tháng đầu năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

27. Vốn chủ sở hữu

Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư 01/01/2012	82.499.980.000	23.140.020.000	8.939.655.402	2.440.722.908	6.748.567.943	123.768.946.253
Lợi nhuận 6 tháng đầu năm	-	-	-	-	6.146.078.271	6.146.078.271
Tạm trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	4.416.962.430	1.242.000.000	(6.138.962.430)	(480.000.000)
Số dư 30/6/2012	82.499.980.000	23.140.020.000	13.356.617.832	3.682.722.908	6.755.683.784	129.435.024.524

(*) Trong 6 tháng đầu năm 2012, Công ty thực hiện việc trích các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 31 tháng 05 năm 2012.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số dư 30/6/2012			Số dư 01/01/2012		
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu thường	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu thường	Giá trị (VND)
Tập đoàn Công Nghiệp Cao Su VN	15,40	1.270.240	12.702.400.000	9,60	792.000	7.920.000.000
Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn	29,79	2.457.578	24.575.780.000	25,00	2.062.500	20.624.995.000
Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1	28,00	2.310.000	23.100.000.000	28,00	2.310.000	23.100.000.000
Đặng Thanh Dũng	1,33	109.670	1.096.700.000	1,33	109.670	1.096.700.000
Lương Thị Thủy Liên	1,21	99.830	998.300.000	1,21	99.830	998.300.000
Nguyễn Thanh Phương	0,86	71.020	710.200.000	0,86	71.020	710.200.000
Các cổ đông khác	23,41	1.931.660	19.316.600.000	34,00	2.804.979	28.049.785.000
Cộng	100,00	8.249.998	82.499.980.000	100,00	8.249.998	82.499.980.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BỀN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu

	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.249.998	8.249.998
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	8.249.998	8.249.998
Cổ phiếu phổ thông	8.249.998	8.249.998
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.249.998	8.249.998
Cổ phiếu phổ thông	8.249.998	8.249.998
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 10.000 đồng/ cổ phần.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Tổng doanh thu	106.702.032.869	59.242.808.509
Doanh thu bán hàng hóa	27.164.016.500	6.993.456.682
Doanh thu bán các thành phẩm	78.232.339.909	51.580.183.647
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.305.676.460	669.168.180
Các khoản giảm trừ doanh thu	23.100.000	-
Hàng bán bị trả lại	23.100.000	-
Doanh thu thuần	106.678.932.869	59.242.808.509

2. Giá vốn hàng bán

Doanh thu bán hàng hóa	26.447.586.737	6.836.080.803
Doanh thu bán các thành phẩm	61.726.005.575	33.933.921.008
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
Cộng	88.173.592.312	40.770.001.811

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng	3.007.206.267	2.536.751.074
Chênh lệch tỷ giá thanh toán	5.646.087	-
Cổ tức	-	73.978.947
Cộng	3.012.852.354	2.610.730.021

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BỀN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Chi phí lãi vay	808.242.392	294.714.108
Chênh lệch tỷ giá thanh toán	67.500	752.771.959
Chi phí tài chính khác	432.090.000	347.926.116
Cộng	1.240.399.892	1.395.412.183

5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên bán hàng	1.568.665.569	1.426.912.563
Chi phí nguyên vật liệu	363.157.827	122.546.849
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	12.562.496	21.661.182
Chi phí khấu hao	23.664.907	33.818.874
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.721.391.491	4.907.694.216
Chi phí bằng tiền khác	75.665.197	12.702.273
Cộng	8.765.107.487	6.525.335.957

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	2.329.956.227	1.984.145.284
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	99.177.658
Chi phí khấu hao	237.994.499	217.406.331
Thuế, phí và lệ phí	78.754.468	78.372.867
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.099.419.784	1.648.266.930
Chi phí bằng tiền khác	519.836.010	205.491.246
Cộng	4.265.960.988	4.232.860.316

7. Thu nhập khác

Thu từ bán phế liệu	15.492.483	7.560.000
Thu nhập từ hỗ trợ gia công khuôn mẫu	27.887.743	-
Thu nhập khác	-	340.008
Cộng	43.380.226	7.900.008

8. Chi phí khác

Chi phí phạt bảo vệ môi trường	-	15.000.000
Chi phí khác	8.642.187	1.512.640
Cộng	8.642.187	16.512.640

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.281.462.583	8.921.315.631
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	5.479.850.669	7.035.817.413
Thu nhập khác	1.801.611.914	1.885.498.218
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:	-	-
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	7.281.462.583	8.921.315.631
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất	1.820.365.646	2.230.328.908
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	684.981.334	1.143.320.330
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.135.384.312	1.087.008.578

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.146.078.271	7.834.307.053
Các điều chỉnh để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.146.078.271	7.834.307.053
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (*)	8.249.998	8.249.998
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	745	950

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	8.249.998	8.249.998
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.249.998	8.249.998

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BỀN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Cổ tức chưa chi	2.778.471.018	6.005.006.400
Lãi tiền gửi còn dự thu	937.305.680	-

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Cổ tức còn dự chi cuối kỳ trước đã thu trong kỳ này	3.211.079.160	4.056.126.400
Chi phí lãi vay dự chi cuối kỳ trước đã thu trong kỳ này	33.616.871	-
Lãi tiền gửi ngân hàng còn dự thu cuối kỳ trước đã thu trong kỳ này	-	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong kỳ như sau:

	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Lương, thưởng	1.448.000.000	1.252.000.000
Phụ cấp	-	-
Cộng	1.448.000.000	1.252.000.000

2. Thông tin về bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động kinh doanh: Bộ phận sản xuất sản phẩm, Bộ phận kinh doanh hàng hóa và Bộ phận cung cấp dịch vụ. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận kinh doanh này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Hoạt động chủ yếu của 3 bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận sản xuất: sản xuất và phân phối các mặt hàng như băng tải, courroie,...;
- Bộ phận kinh doanh hàng hóa: phân phối các mặt hàng không phải công ty sản xuất như cao su, nguyên vật liệu,...;
- Bộ phận cung cấp dịch vụ: cung cấp dịch vụ gia công băng tải theo yêu cầu của khách hàng.

Thông tin về tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Số dư 30/6/2012				
Tài sản				
Tài sản bộ phận				
	Bộ phận sản xuất sản phẩm	Bộ phận kinh doanh hàng hóa	Bộ phận cung cấp dịch vụ	Không phân bổ
Tài sản không phân bổ	104.660.239.877	30.742.039	274.455.971	-
Tổng tài sản				
				104.965.437.887
				77.366.211.850
				182.331.649.737
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	39.982.845.874	-	240.000.000	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	12.673.779.339
Tổng nợ phải trả				52.896.625.213
Số dư 01/01/2012				
Tài sản				
Tài sản bộ phận	114.061.340.403	51.182.500	303.620.279	-
Tài sản không phân bổ	-	-	-	67.408.894.981
Tổng tài sản				181.825.038.163

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Cù Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Bộ phận sản xuất sản phẩm	Bộ phận kinh doanh hàng hóa	Bộ phận cung cấp dịch vụ	Không phân bổ	Cộng
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	42.656.856.311	-	140.000.000	-	42.796.856.311
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	15.259.235.599	15.259.235.599
Tổng nợ phải trả					58.056.091.910
Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:					
	Bộ phận sản xuất sản phẩm	Bộ phận kinh doanh hàng hóa	Bộ phận cung cấp dịch vụ	Không phân bổ	Cộng
6 tháng đầu năm 2012					
Doanh thu bộ phận	78.209.239.909	27.164.016.500	1.305.676.460	-	106.678.932.869
Giá vốn bộ phận	(61.726.005.575)	(26.447.586.737)	-	-	(88.173.592.312)
Chi phí hoạt động phân bổ (CPBH, QL)	(12.026.758.703)	(411.291.782)	(593.017.990)	-	(13.031.068.475)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.456.475.631	305.137.982	712.658.470	-	5.474.272.082
Doanh thu tài chính				3.012.852.354	3.012.852.354
Chi phí tài chính				(1.240.399.892)	(1.240.399.892)
Lợi nhuận khác				34.738.039	34.738.039
Lợi nhuận trước thuế				1.807.190.501	7.281.462.583
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(1.135.384.312)	(1.135.384.312)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					6.146.078.271

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Tp Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Bộ phận sản xuất sản phẩm	Bộ phận kinh doanh hàng hóa	Bộ phận cung cấp dịch vụ	Không phân bổ	Cộng
6 tháng đầu năm 2011					
Doanh thu bộ phận	51.580.183.647	6.993.456.682	669.168.180	-	59.242.808.509
Giá vốn bộ phận	(33.933.921.008)	(6.836.080.803)	-	-	(40.770.001.811)
Chi phí hoạt động phân bổ (CPBH, QL)	(10.353.311.494)	(89.656.090)	(315.228.689)	-	(10.758.196.273)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	7.292.951.145	67.719.790	353.939.491	-	7.714.610.425
Doanh thu tài chính				2.610.730.021	2.610.730.021
Chi phí tài chính				(1.395.412.183)	(1.395.412.183)
Lợi nhuận khác				(8.612.632)	(8.612.632)
Lợi nhuận trước thuế				1.206.705.206	8.921.315.631
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(1.087.008.578)	(1.087.008.578)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					7.834.307.053

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra ở khu vực hoạt động kinh doanh của Công ty (Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Tp Hồ Chí Minh).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BỀN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Cù Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty cổ thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Số dư 30/6/2012</u>	<u>Số dư 01/01/2012</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.462.913.027	37.978.863.377
Đầu tư ngắn hạn	3.668.041.667	3.668.041.667
Phải thu khách hàng	27.113.178.107	25.140.972.922
Các khoản phải thu khác	937.305.680	-
Ký quỹ ngắn hạn	565.664.357	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	260.246.666	260.246.666
Đầu tư dài hạn khác	8.400.000.000	8.400.000.000
Ký quỹ dài hạn	230.972.049	421.205.049
Cộng	88.638.321.553	75.869.329.681
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán	5.299.823.079	8.789.826.210
Chi phí phải trả	2.608.296.000	2.341.358.871
Nhận ký quỹ ký cược	240.000.000	140.000.000
Tiền bảo hành sửa chữa sản phẩm	1.915.428.758	1.934.528.758
Cộng	10.063.547.837	13.205.713.839

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH*

6 tháng đầu năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Do Công ty hoạt động kinh chính chính ở Bộ phận sản xuất sản phẩm (sản xuất và phân phối các sản phẩm băng tải, courroie,...), cho nên Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là thu tiền ngay, công nợ phải thu không đáng kể, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khoản phải thu khách hàng.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công cụ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Số dư 30/6/2012

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Phải trả người bán	5.299.823.079	-	-	5.299.823.079
Chi phí phải trả	2.608.296.000	-	-	2.608.296.000
Nhận ký quỹ ký cược	-	240.000.000	-	240.000.000
Tiền bảo hành sửa chữa sản phẩm	-	1.915.428.758	-	1.915.428.758
Cộng	7.908.119.079	2.155.428.758	-	10.063.547.837

Số dư 01/01/2012

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Phải trả người bán	8.789.826.210	-	-	8.789.826.210
Chi phí phải trả	2.341.358.871	-	-	2.341.358.871
Nhận ký quỹ ký cược	-	140.000.000	-	140.000.000
Tiền bảo hành sửa chữa sản phẩm	-	1.934.528.758	-	1.934.528.758
Cộng	11.131.185.081	2.074.528.758	-	13.205.713.839

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Số dư 30/6/2012

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.462.913.027	-	-	47.462.913.027
Đầu tư ngắn hạn	3.668.041.667	-	-	3.668.041.667
Phải thu khách hàng	27.113.178.107	-	-	27.113.178.107
Các khoản phải thu khác	937.305.680	-	-	937.305.680
Ký quỹ ngắn hạn	565.664.357	-	-	565.664.357
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	260.246.666	-	-	260.246.666
Đầu tư dài hạn khác	-	8.400.000.000	-	8.400.000.000
Ký quỹ dài hạn	-	230.972.049	-	230.972.049
Cộng	80.007.349.504	8.630.972.049	-	88.638.321.553

Số dư 01/01/2012

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.978.863.377	-	-	37.978.863.377
Đầu tư ngắn hạn	3.668.041.667	-	-	3.668.041.667
Phải thu khách hàng	25.140.972.922	-	-	25.140.972.922
Các khoản phải thu khác	-	-	-	-
Ký quỹ ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	260.246.666	-	-	260.246.666
Đầu tư dài hạn khác	-	8.400.000.000	-	8.400.000.000
Ký quỹ dài hạn	-	421.205.049	-	421.205.049
Cộng	67.048.124.632	8.821.205.049	-	75.869.329.681

Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 7 năm 2012



NGUYỄN VĂN THANH
Tổng Giám đốc

LƯU THỊ TỐ NHƯ
Kế toán trưởng